TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2019/DS-ST Ngày 14 tháng 11 năm 2019 *V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Vân Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị T, sinh năm 1978, địa chỉ: Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lò Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Lò Thị Q, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lò Thị T trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 24/6/2016, vợ chồng ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q đến gia đình bà hỏi vay tiền. Tối cùng ngày, bà cùng bà Lò Thị

Bích T2 (trú tại Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) là chị gái bà mang số tiền 136.000.000VNĐ sang nhà ông Đ và bà Q cho vay. Hai bên có lập làm hợp đồng vay vốn, thỏa thuận lãi xuất là 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2016. Ông Đ và bà Q đã ký vào hợp đồng vay tiền và nhận đủ số tiền vay.

Đến hẹn thanh toán, bà Q và ông Đ khất nhiều lần không thanh toán. Đến nay, ông bà Q Đ vẫn chưa thanh toán cho bà số tiền vay nên bà khởi kiện đề nghị ông Đ và bà Q thanh toán số tiền vay 136.000.000VNĐ theo hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2016, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q trình bày:

Ông bà cho rằng không có việc vay số tiền 136.000.000VNĐ của bà Lò Thị T. Năm 2007, ông bà có vay của bà Lò Thị Bích T2 (chị gái ruột của chị T), trú tại Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La số tiền là 18.000.000VNĐ, lãi xuất là 3%/tháng. Ông Đ ký vào sổ vay tiền của bà T2 chứ không viết giấy vay tiền riêng, thời hạn vay là 01 năm. Đến ngày 30/12/2008, ông bà đã thanh toán tiền gốc là 11.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh và chốt lại số tiền nợ gốc là 7.000.000VNĐ. Số tiền nợ này ông Đ ký vào sổ gốc của bà T2 và không thỏa thuận thời hạn vay. Do điều kiện khó khăn nên đến nay, ông bà vẫn chưa thanh toán được số tiền vay cho bà T2.

Năm 2016, bà T và bà T2 đến nhà nói rằng: số tiền nợ 7.000.000VNĐ ông bà nợ bà T2 chuyển sang cho bà T thu và ông bà cũng đồng ý. Ba bên thống nhất số tiền nợ gốc và tôi ký vào sổ của bà T2, không ký vào hợp đồng vay tiền mặt của bà T. Đến cuối năm 2017, bà T đến nhà đòi số tiền 136.000.000VNĐ. Ông bà khẳng định không ký vào hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016, chữ ký trong hợp đồng không phải của ông bà. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi 136.000.000VNĐ của bà T, chỉ chấp nhận thanh toán 7.000.000VNĐ tiền gốc cho bà T2. Tại phiên tòa, ông bà Đ Q vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy ý kiến của bà Lò Thị Bích T2, trú tại Bản S, xã C, huyện Mai Sơn. Bà T2 xác nhận: Do có mối quan hệ quen biết nên bà từng một vài lần cho ông Đ và bà Q vay tiền nhưng ông bà Q Đ đã thanh toán đầy đủ. Về việc vay tiền giữa bà T và ông Đ, bà xác nhận khoảng 18 giờ ngày 24/6/2016, bà T cho ông bà Đ Q vay số tiền mặt là 136.000.000VNĐ dưới sự chứng kiến của bà.

Ngoài ra, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập các mẫu so sánh tại Trưởng bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để phục vụ công tác

giám định chữ viết của ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q trong hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016. Tại kết luận giám định số 1593 ngày 22/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định:

"1. Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người vay" mang tên "Đ, Lò Văn Đ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của ông Lò Văn Đ trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người thừa kế" mang tên "Lò Thị Q" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Lò Thị Q trên mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người thừa kế" mang tên "Lò Thị Q" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Lò Thị Q trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một người ký, viết ra".

Do các đương sự không thỏa thuận với nhau được về việc giải quyết vụ án, do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị T. Buộc ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 136.000.000VNĐ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) theo hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Lò Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q thanh toán số tiền đã vay trên cơ sở hợp đồng vay vốn hai bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định.

Về tư cách tham gia tố tụng: Khoản vay ngày 24/6/2016 giữa bà T và ông Đ bà Q trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Lò Văn C. Tuy nhiên, khi ly hôn, bà T và ông C đã tự thỏa thuận thống nhất khoản vay này giao cho bà T thu và tiền thu được sẽ là tài sản riêng của bà T. Đối với việc khởi kiện của bà T, ông C nhất trí và không có ý kiến nào khác. Do đó, Tòa án không đưa ông C vào tham gia tố tụng phù hợp với ý kiến của các bên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Ngày 24/6/2016, bà Lò Thị T và ông Lò Văn Đ, bà Lò Thị Q có ký kết hợp đồng vay với số tiền là 136.000.000VNĐ. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2016 và các bên có ký vào hợp đồng vay. Bị đơn ông Đ và bà Q cho rằng không có việc ký kết và nhận tiền theo hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016, chữ ký trong hợp đồng không phải của ông bà, khoản vay bà T đòi chính là khoản vay ông bà vay của bà Lò Thị Bích T2 và còn nợ lại 7.000.000VNĐ. Tuy nhiên, ông Đ và bà Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh khoản vay của bà T là số tiền nợ còn lại của bà T2 chuyển sang. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành giám định chữ viết chữ ký của ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q trong hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016. Tại kết luận giám định số 1593 ngày 22/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ viết, chữ ký của ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q trong hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016 và chữ viết, chữ ký của ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q trong các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Bà Lò Thị Bích T2 (chị gái bà T) khẳng định có cho ông Đ và bà Q vay tiền nhưng các khoản vay đã được thanh toán đầy đủ. Đồng thời, bà cũng được chứng kiến việc bà T cho ông Đ bà Q vay số tiền 136.000.000VNĐ vào ngày 24/6/2016. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng vay tiền giữa bà T và ông Đ bà Q là có thật và hợp pháp, cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Theo thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn, bên vay có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 30/12/2016. Như vậy, ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Đ và bà Q phải thanh toán 136.000.000VNĐ tiền vay từ năm 2017 theo hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016.

Về lãi xuất: Bà Lò Thị T không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm quy định của pháp luật và đạo Đ xã hội nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cần buộc ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q phải trả cho bà Lò Thị T số tiền gốc là 136.000.000VNĐ.

[3] Về án phí và lệ phí giám định: Bị đơn ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 136.000.000VNĐ x 5% = 6.800.000VNĐ.

Về lệ phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ, do đó bị đơn phải chịu lệ phí giám định chữ ký là 3.000.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị T. Buộc bị đơn ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 136.000.000VNĐ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) theo hợp đồng vay vốn ngày 24/6/2016, không xem xét về lãi xuất.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ và bà Q không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng ông Đ và bà Q còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí và lệ phí giám định: Bị đơn ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với các vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 6.800.000VNĐ (*Sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Lò Thị T số tiền là 3.400.000VNĐ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003223 ngày 17/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Buộc bị đơn ông Lò Văn Đ, bà Lò Thị Q phải chịu lệ phí giám định chữ ký là 3.000.000VNĐ, phải hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lò Thị T số tiền này do bà T đã nộp tại Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nông Văn Thịnh